

Số: 40 /CBTT-VNC

Hải Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2013

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam

Trụ sở chính: 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: (0320) 3838025

Fax: (0320) 3838024

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Ngọc Thảo

Địa chỉ: 103 Phố Phạm Ngọc Khánh, Khu 12 Phường Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại): 0987 129 227

Fax: 0320 3838024

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2013.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



Phạm Ngọc Thảo

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ & KCN CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12- Phố Nguyễn An- Phường Hải Tân- TP.Hải Dương

Mã số thuế: 0 8 0 0 3 0 0 4 4 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2013

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Hải Dương, tháng 04/2013

Nội dung

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.033.917.732	36.736.134.312
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		18.329.590.874	19.169.650.050
111	1. Tiền	V.01	329.590.874	1.169.650.050
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	18.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		290.070.583	290.898.305
132	2. Trả trước cho người bán		89.835.750	91.566.972
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	200.234.833	199.331.333
140	IV. Hàng tồn kho		15.403.546.353	15.375.332.166
141	1. Hàng tồn kho	V.03	15.403.546.353	15.375.332.166
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.010.709.922	1.900.253.791
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.915.224.461	1.897.342.244
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.911.547	2.911.547
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.04	93.573.914	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		243.559.376.115	243.519.268.979
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		54.513.478.209	54.513.478.209
218	4. Phải thu dài hạn khác	V.05	54.513.478.209	54.513.478.209
220	II. Tài sản cố định		139.029.477.225	138.992.403.890
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	130.620.772	141.053.671
222	- Nguyên giá		3.606.414.878	3.606.414.878
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.475.794.106)	(3.465.361.207)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	-	-
228	- Nguyên giá		42.000.000	42.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(42.000.000)	(42.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	138.898.856.453	138.851.350.219
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.09	41.065.947.129	41.065.947.129
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.132.707.915	7.132.707.915
258	3. Đầu tư dài hạn khác		38.826.337.676	38.826.337.676
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.893.098.462)	(4.893.098.462)
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.950.473.552	8.947.439.751
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	8.747.676.552	8.744.642.751
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		202.797.000	202.797.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		279.593.293.847	280.255.403.291

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/3/2013	01/01/2013
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		15.951.136.773	16.695.977.670
310	I. Nợ ngắn hạn		15.951.136.773	16.695.977.670
312	2. Phải trả người bán		592.233.348	692.233.348
313	3. Người mua trả tiền trước		11.144.700.000	11.144.700.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	-	33.056.537
315	5. Phải trả người lao động		57.535.910	330.143.910
316	6. Chi phí phải trả	V.13	60.000.000	60.000.000
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.14	3.495.469.161	3.505.045.521
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		601.198.354	930.798.354
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		263.642.157.074	263.559.425.621
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	263.642.157.074	263.559.425.621
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		258.948.680.000	258.948.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.180.000.000	2.180.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển			
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.580.690.594	1.580.690.594
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		932.786.480	850.055.027
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		279.593.293.847	280.255.403.291

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



Người lập biểu
Hoàng Thị Yên



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Thảo

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2013




Tổng giám đốc
Nguyễn Văn Thành

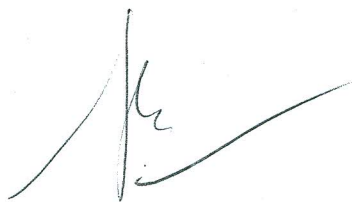
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán : Quý I/2013

ĐVT : VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I/2013	Quý I/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (2013)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước (2012)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ					
11	Giá vốn hàng bán					
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ					
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.16	369.467.114	547.256.174	369.467.114	547.256.174
22	Chi phí tài chính	VI.17		350.027		350.027
23	Trong đó: Chi phí lãi vay					
24	Chi phí bán hàng					
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		286.735.661	1.144.625.871	286.735.661	1.144.625.871
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		82.731.453	(597.719.724)	82.731.453	(597.719.724)
31	Thu nhập khác					
32	Chi phí khác					
40	Lợi nhuận khác					
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.731.453	(597.719.724)	82.731.453	(597.719.724)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		20.682.863		20.682.863	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		62.048.590	(597.719.724)	62.048.590	(597.719.724)
70	Lãi cơ bản trên CP		2,4	(23)	2,4	(23)

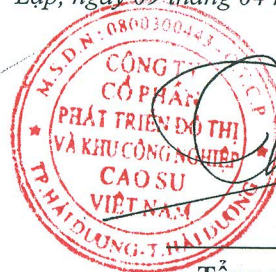
Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2013



Người lập biểu
Hoàng Thị Yến



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Thảo



Tổng giám đốc
Nguyễn Văn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán Quý I/2013

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính : VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (2013)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước (2012)
(1)	(2)	(3)	(4)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(195.634.000)	(311.995.567)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(367.804.500)	(4.471.556.181)
04	Tiền chi trả lãi vay		
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(33.056.537)	
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	9.571.722	464.275.415
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(588.952.975)	(709.994.680)
20	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(1.175.876.290)	(5.029.271.013)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(33.650.000)	(25.132.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	369.467.114	547.256.174
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	335.817.114	2.522.124.174
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(840.059.176)	(2.507.146.839)

Số 12 Nguyễn An, P.Hải Tân, TP. Hải Dương

60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	1.169.650.050	2.583.336.449
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	329.590.874	76.189.610

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2013



Người lập biểu
Hoàng Thị Yến



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Thảo



Tổng giám đốc
Nguyễn Văn Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC Quý I/2013

Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp cao su Việt Nam là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở vốn góp chủ yếu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, một số đơn vị thành viên trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và một số cổ đông khác.

Công ty con

Đến thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013, Công ty có một (01) Công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Cao su Việt Nam	Số 12- Phố Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Kinh doanh mua bán Mủ cao su

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Các Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính V/v Hướng dẫn sử dụng, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	329.590.874	1.169.650.050
	329.590.874	1.169.650.050

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác: (Bao gồm 03 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi Nhánh Hải Dương)	18.000.000.000	18.000.000.000
	18.000.000.000	18.000.000.000

03. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trả trước cho người bán	89.835.750	91.566.972
Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chi ủng hộ học sinh nghèo, trường học xã Hưng Đạo, Thị xã Chí Linh	125.000.000	125.000.000
Phải thu khác	75.234.833	74.331.333
	290.070.583	290.898.305

04. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.403.546.353	15.375.332.166
Cộng giá gốc hàng tồn kho	15.403.546.353	15.375.332.166

05. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	1.915.224.461	1.897.342.244
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.911.547	2.911.547
Tài sản ngắn hạn khác	93.573.914	
	2.010.709.922	1.900.253.791

06. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND

Số 12 Nguyễn An, P.Hải Tân, TP. Hải Dương

Phải thu ban đền bù giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Cộng Hòa	52.973.354.430	52.973.354.430
Phải thu về chuyển nhượng vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	1.540.123.779	1.540.123.779

54.513.478.209	54.513.478.209
-----------------------	-----------------------

07. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	138.898.856.453	138.851.350.219
- Công trình Khu công nghiệp Cộng Hòa	138.898.856.453	138.851.350.219
	138.898.856.453	138.851.350.219

08. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty Con	7.132.707.915	7.132.707.915
- Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu cao su Việt nam	7.132.707.915	7.132.707.915
Đầu tư dài hạn khác	38.826.337.676	38.826.337.676
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.893.098.462)	(4.893.098.462)
	41.065.947.129	41.065.947.129

Đầu tư vào công ty Con

Thông tin chi tiết về các công ty Con của Công ty vào ngày 31/03/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Cao su Việt Nam	Số 12- Phố Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Kinh doanh mua bán Mủ cao su

09. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.747.676.552	8.744.642.751
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	202.797.000	202.797.000
	8.950.473.552	8.947.439.751

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	33.056.537
	-	33.056.537

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán	60.000.000	60.000.000
	60.000.000	60.000.000

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.452.160	15.028.520
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.157.034.181	1.157.034.181
Phải trả các thẻ nhân ủy thác đầu tư về tiền bán cổ phiếu thường	63.192.763	63.192.763
Phải trả cổ tức cho cổ đông đầu tư vào SHS	34.985.111	34.985.111
Phải trả các cá nhân và pháp nhân hợp vốn đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	167.118.636	167.118.636
Phải trả tiền thu hộ phí, thuế chuyển sở hữu Cổ phiếu SHS	56.350.302	56.350.302
Phải trả, phải nộp về Chi Nhánh Công ty	1.884.974.933	1.884.974.933
Phải trả, phải nộp khác	126.361.075	122.361.975
	3.495.469.161	3.501.046.421

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	258.948.680.000	258.948.680.000
- Vốn góp đầu năm	258.948.680.000	227.984.900.000
- Vốn góp cuối năm	258.948.680.000	258.948.680.000

b) Cổ phiếu

31/03/2013	01/01/2013
------------	------------

Số 12 Nguyễn An, P.Hải Tân, TP. Hải Dương

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.894.868	25.894.868
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.894.868	25.894.868
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.894.868	25.894.868
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.894.868	25.894.868
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.894.868	25.894.868
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

c) Các quỹ công ty

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	1.580.690.594	1.580.690.594
	1.580.690.594	1.580.690.594

14, DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2013	Quý I/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, đầu tư ngắn hạn	369.467.114	547.256.174
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	369.467.114	547.256.174

15, CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2013	Quý I/2012
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí huy động vốn	-	-
Chi phí tài chính khác	-	350.027
	-	350.027

16, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I/2013	Quý I/2012
	VND	VND
	286.735.661	1.144.625.871
	286.735.661	1.144.625.871

17, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý I/2013	Quý I/2012
	VND	VND

Số 12 Nguyễn An, P.Hải Tân, TP. Hải Dương

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.682.863	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.682.863	-

18, LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý I/2013	Quý I/2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	62.048.590	(597.719.724)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.048.590	(597.719.724)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.894.868	25.894.868
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,4	(23)

19, NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

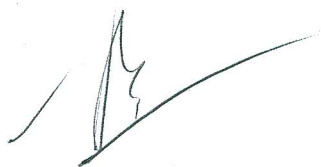
	Mối quan hệ	Tại 31/03/2013	Tại 01/01/2013
		VND	VND
Phải trả khác			
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	125.000.000	125.000.000

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Hoàng thị Yến

Phạm Ngọc Thảo

Nguyễn Văn Thành

Số: 18 /GT - VNC

“V/v: Giải trình kết quả SXKD quý I/2013”

Hải Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2013

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quý cổ đông lời chào trân trọng và cảm ơn vì sự quan tâm, giúp đỡ trong suốt thời gian qua.

Công ty xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận quý I/2013 so với cùng kỳ như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý I/2013 là: 62.048.590 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế quý I/2012 là: (597.719.724) đồng.

Quý I/2013 giảm lỗ 659.768.314 đồng so với quý I/2012 do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do Công ty cắt giảm lực lượng lao động và thực hiện chính sách cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Quý cổ đông Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Trung Thái